

**Chuyên mục về Công chứng, chứng thực:**  
**NHỮNG ĐIỂM CẦN LƯU Ý TẠI THÔNG TƯ SỐ 01/2020/TT-BTP**  
**QUY ĐỊNH CHI TIẾT VÀ HƯỚNG DẪN THI HÀNH MỘT SỐ ĐIỀU**  
**CỦA NGHỊ ĐỊNH SỐ 23/2015/NĐ-CP VỀ CHỨNG THỰC**

*Dương Quỳnh*

Thông tư số 01/2020/TT-BTP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2016 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch (Thông tư số 01/2020/TT-BTP), có hiệu lực thi hành ngày 20/4/2020, thay thế Thông tư số 20/2015/TT-BTP. Trong quá trình triển khai thực hiện Thông tư số 01/2020/TT-BTP cần lưu ý một số điểm mới của như sau:

**Về cách ghi số chứng thực:**

Ngoài cách ghi số chứng thực bản sao từ bản chính đã được quy định trước đó, Thông tư số 01/2020/TT-BTP đã bổ sung cách ghi số chứng thực chữ ký và số chứng thực hợp đồng. Cụ thể:

- Số chứng thực bản sao từ bản chính là số chứng thực được ghi theo từng loại giấy tờ được chứng thực; không lấy số chứng thực theo lượt người yêu cầu chứng thực (quy định này đã có từ Thông tư 20/2015/TT-BTP);
- Số chứng thực chữ ký trên giấy tờ, văn bản và chứng thực chữ ký người dịch là số chứng thực được ghi theo từng loại giấy tờ, văn bản cần chứng thực chữ ký; không lấy số chứng thực theo lượt người yêu cầu chứng thực (quy định mới);
- Số chứng thực hợp đồng được ghi theo từng việc; không lấy số theo lượt người yêu cầu hoặc theo số bản hợp đồng (quy định mới).

**Về cách xử lý giấy tờ, văn bản đã được chứng thực không được đúng quy định pháp luật**

Nghị định 23/2015/NĐ-CP cũng như Thông tư 20/2015/TT-BTP chỉ quy định về giá trị pháp lý của bản sao được chứng thực, không quy định việc thu hồi, hủy bỏ văn bản chứng thực không đúng pháp luật đã gây khó khăn cho các cơ quan trong việc xử lý khi phát hiện chứng thực bản sao, chứng thực chữ ký không đúng quy định. Thông tư số 01/2020/TT-BTP đã quy định cụ thể vấn đề nêu trên, theo đó Điều 7 quy định giá trị pháp lý của giấy tờ, văn bản đã được chứng thực không đúng quy định của pháp luật như sau:

- Các giấy tờ, văn bản được chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký không đúng quy định tại Nghị định số 23/2015/NĐ-CP và Thông tư này thì không có giá trị pháp lý.

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm ban hành quyết định hủy bỏ giá trị pháp lý của giấy tờ, văn bản chứng thực được chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký không đúng quy định do Phòng Tư pháp chứng thực. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm ban hành quyết định hủy bỏ giá trị pháp lý của giấy tờ, văn bản được chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký không đúng quy định do cơ quan mình chứng thực.

Sau khi ban hành quyết định hủy bỏ giấy tờ, văn bản chứng thực, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm đăng tải thông tin về giấy tờ, văn bản đã được chứng thực nhưng không có giá trị pháp lý lên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- Người đứng đầu Cơ quan đại diện ngoại giao, Cơ quan đại diện lãnh sự và các cơ quan khác được ủy quyền thực hiện chức năng lãnh sự của Việt Nam ở nước ngoài có trách nhiệm ban hành quyết định hủy bỏ giá trị pháp lý của giấy tờ, văn bản chứng thực được chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký không đúng quy định do cơ quan mình chứng thực và đăng tải thông tin về giấy tờ, văn bản đã được chứng thực nhưng không có giá trị pháp lý lên Trang thông tin điện tử của cơ quan mình.

- Việc ban hành quyết định hủy bỏ giá trị pháp lý và đăng tải thông tin thực hiện ngay sau khi phát hiện giấy tờ, văn bản đó được chứng thực không đúng quy định pháp luật.

### **Về bản sao từ bản chính để chứng thực phải đầy đủ số trang**

Điều 10 Thông tư số 01/2020/TT-BTP quy định bản sao từ bản chính để chứng thực phải gồm đầy đủ số trang có thông tin của bản chính. Ví dụ: chứng thực bản sao từ bản chính sổ hộ khẩu thì phải chụp đầy đủ trang bìa và các trang của sổ đã ghi thông tin về các thành viên có tên trong sổ; chứng thực hộ chiếu thì phải chụp cả trang bìa và toàn bộ các trang của hộ chiếu có ghi thông tin.

Đây là quy định được kế thừa từ Thông tư số 20/2015/TT-BTP. Trước đó tại Nghị định số 23/2015/NĐ-CP chưa có quy định cụ thể đối với trường hợp bản chính có nhiều trang thì người yêu cầu chứng thực bản sao phải sao, chụp như thế nào.

### **Về chứng thực chữ ký trên giấy ủy quyền**

Để khắc phục vướng mắc trong triển khai thực hiện Nghị định số 23/2015/NĐ-CP và Thông tư số 20/2015/TT-BTP, Thông tư số 01/2020/TT-BTP đã quy định cụ thể về điều kiện và các trường hợp được chứng thực chữ ký trong giấy ủy quyền. Theo đó, Điều 14 quy định: Việc ủy quyền thỏa mãn đầy đủ các điều kiện như không có thù lao, không có nghĩa vụ bồi thường của bên được ủy quyền và không liên quan đến việc chuyển quyền sở hữu tài sản, quyền sử dụng bất động sản thì được thực hiện dưới hình thức chứng thực chữ ký trên giấy ủy quyền.

Việc chứng thực chữ ký trên giấy ủy quyền được thực hiện trong các trường hợp sau đây:

- Ủy quyền về việc nộp hộ, nhận hộ hồ sơ, giấy tờ, trừ trường hợp pháp luật quy định không được ủy quyền;

- Ủy quyền nhận hộ lương hưu, buru phẩm, trợ cấp, phụ cấp;

- Ủy quyền nhờ trông nom nhà cửa;

- Ủy quyền của thành viên hộ gia đình để vay vốn tại Ngân hàng chính sách xã hội.

## **Về chứng thực chữ ký trong tờ khai lý lịch cá nhân**

Trước đây Nghị định số 23/2015/NĐ-CP và các văn bản hướng dẫn nghiệp vụ của Bộ Tư pháp cũng như Cục Hộ tịch, quốc tịch, chứng thực đều hướng dẫn khi chứng thực lý lịch cá nhân là chứng thực chữ ký và không được phê vào nội dung lý lịch. Tuy nhiên, nhiều cơ quan, doanh nghiệp, trường học đều yêu cầu phải ghi nhận xét về hạnh kiểm, việc chấp hành pháp luật,... dẫn đến UBND xã rất lúng túng, nếu ghi vào lý lịch thì không đúng pháp luật, không ghi thì gây khó khăn cho công dân. Thông tư số 01/2020/TT-BTP đã tháo gỡ được vướng mắc nêu trên, cụ thể tại Điều 14 quy định:

- Người thực hiện chứng thực không ghi bất kỳ nhận xét gì vào tờ khai lý lịch cá nhân, chỉ ghi lời chứng chứng thực theo mẫu quy định tại Nghị định số 23/2015/NĐ-CP. Trường hợp pháp luật chuyên ngành có quy định khác về việc ghi nhận xét trên tờ khai lý lịch cá nhân thì tuân theo pháp luật chuyên ngành.

- Người yêu cầu chứng thực phải chịu trách nhiệm về toàn bộ nội dung trong tờ khai lý lịch cá nhân của mình. Đối với những mục không có nội dung trong tờ khai lý lịch cá nhân thì phải gạch chéo trước khi yêu cầu chứng thực.